

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH VÀ XÂY DỰNG QUỐC BẢO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH VÀ XÂY DỰNG QUỐC BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUOC BAO INVESTMENT BUSINESS AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107739805

**3. Ngày thành lập:** 01/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 218 ngõ 82 Đường Mậu Lương, tổ 12, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902229892

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                    | 4220     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                             | 4390     |
| 3.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                           | 8130     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                         | 4663     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                 | 4322     |
| 6.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                  | 4330     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                               | 4312     |
| 8.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                   | 2396     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>-Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</li> <li>-Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>-Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>-Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>-Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</li> <li>-Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>-Thiết kế phòng cháy - chữa cháy</li> </ul> <p>Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình</p> <p>Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án</p> <p>Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình</p> <p>Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</li> <li>- Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</li> <li>- Đo bóc khối lượng;</li> <li>- Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</li> <li>- Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</li> <li>- Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</li> <li>-Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</li> </ul> | 7110(Chính) |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4290        |
| 13. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0810        |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4210        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ TRỌNG DŨNG  | Thôn Đôn Vượt, Xã Trinh Xá, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                              | 5.880.000.000         |           | 168199660                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ LY  | Số 218 ngõ 82 Đường Mậu Lương, tổ 12, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 3.920.000.000         |           | 112068763                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ TRỌNG DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/08/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *168199660*

Ngày cấp: *24/02/2013*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Nam*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đôn Vượt, Xã Trinh Xá, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 218 ngõ 82 Đường Mậu Lương, tổ 12, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội